BỘ GIÁO DỤC & ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DUY TÂN

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI KTHP * NĂM HỌC 2024-2025
MÔN: Kiểm Toán Hoạt Động * SỐ TÍN CHỈ : 2
MÔN THI : AUD 411 (A)

Học kỳ : 1

Thời gian : 07h30 - 19/10/2024 - Phòng thi 304/1 - Tòa Nhà E - Hòa Khánh Nam

STT	MÃ SINH VIÊN	HỌ VÀ	TÊN	LỚP MÔN HỌC	LỚP SINH HOẠT	SỐ TỜ	KÝ TÊN	ĐIỂM THI		GHI CHÚ
								SỐ	CHỮ	
1	27202530889	Ngô Thị	An	AUD 411 A	K27PSU-KKT					
2	27202628763	Nguyễn Thị Phương	Anh	AUD 411 A	K27PSU-KKT					
3	27212500497	Lê Tuấn	Anh	AUD 411 A	K27PSU-KKT					
4	27202621806	Nguyễn Hoàng Linh	Chi	AUD 411 A	K27PSU-KKT					
5	27213702535	Nguyễn Linh	Chi	AUD 411 A	K27PSU-KKT					
6	27202500069	Nguyễn Thùy	Duyên	AUD 411 A	K27PSU-KKT					
7	27202542283	Trần Thị Mỹ	Duyên	AUD 411 A	K27PSU-KKT					
8	26202522331	Dương Yên	Gia	AUD 411 A	K26KKT					
9	27202541898	Đào Nguyễn Khải	Hà	AUD 411 A	K27KKT					
10	25212516160	Đỗ Phạm Nguyên	Hãn	AUD 411 A	K26PSU-KKT					
11	27202537458	Phan Thị Lệ	Huyền	AUD 411 A	K27PSU-KKT					
12	27212553597	Nguyễn Linh	Khang	AUD 411 A	K27PSU-KKT					
13	27211243294	Lê Thị Nguyên	Linh	AUD 411 A	K27PSU-KKT					
14	27212543710	Võ Hoàng	Linh	AUD 411 A	K27PSU-KKT					
15	27202525920	Huỳnh Thị	Luận	AUD 411 A	K27PSU-KKT					*NỢ HP*
16	27202824918	Lưu Thị	Mai	AUD 411 A	K27PSU-KKT					
17	27216101906	Võ Song Qúi	Mùi	AUD 411 A	K27KKT					
18	27202525962	Nguyễn Thị Tuệ	Nam	AUD 411 A	K27PSU-KKT					
19	26202530214	Trần Hải	Ngân	AUD 411 A	K27PSU-KKT					
20	27202552239	Phạm Kim	Ngân	AUD 411 A	K27PSU-KKT					
21	27212554092	Tạ Hoàng Kim	Ngân	AUD 411 A	K27PSU-KKT					
22	27202502538	Trương Thị Bảo	Nguyên	AUD 411 A	K27PSU-KKT					
23	27212500035	Nguyễn Trung	Nguyên	AUD 411 A	K27PSU-KKT					
24	27202500251	Võ Lê Yến	Nhi	AUD 411 A	K27PSU-KKT					
25										
26										
27										
28										
29										

BỘ GIÁO DỤC & ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DUY TÂN

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI KTHP * NĂM HỌC 2024-2025
MÔN: Kiểm Toán Hoạt Động * SỐ TÍN CHỈ : 2
MÔN THI : AUD 411 (A)

Học kỳ : 1

Thời gian : 07h30 - 19/10/2024 - Phòng thi 304/2 - Tòa Nhà E - Hòa Khánh Nam

STT	MÃ SINH VIÊN	HỌ VÀ	TÊN	LỚP MÔN HỌC	LỚP SINH HOẠT	SỐ TỜ	KÝ TÊN	ĐIỂM THI		GHI CHÚ
								SỐ	CHỮ	
1	27202521946	Trần Hồng Thục	Nhi	AUD 411 A	K27PSU-KKT					
2	27202602855	Từ Thị Yến	Nhi	AUD 411 A	K27PSU-KKT					
3	27202500920	Ngô Thị Tố	Như	AUD 411 A	K27PSU-KKT					*NỢ HP*
4	27202542291	Đào Thị Quỳnh	Như	AUD 411 A	K27PSU-KKT					
5	27202545540	Lê Thị Quỳnh	Như	AUD 411 A	K27PSU-KKT					
6	27202530663	Hồ Kim	Phụng	AUD 411 A	K27PSU-KKT					
7	27202602388	Lê Uyên	Phương	AUD 411 A	K27PSU-KKT					
8	27202525957	Võ Thị Mỹ	Quyên	AUD 411 A	K27PSU-KKT					
9	27202526427	Mai Thị	Quỳnh	AUD 411 A	K27PSU-KKT					
10	27202552240	Trần Nguyễn Nhật	Quỳnh	AUD 411 A	K27PSU-KKT					
11	27212532910	Nguyễn Như	Quỳnh	AUD 411 A	K27PSU-KKT					
12	27212651570	Nguyễn Hoài	Sơn	AUD 411 A	K27PSU-KKT					
13	27202552284	Ngô Thị Hoài	Thương	AUD 411 A	K27PSU-KKT					
14	27202640820	Nguyễn Thị Thanh	Thương	AUD 411 A	K27KKT					
15	27202552285	Phạm Giáng	Tiên	AUD 411 A	K27PSU-KKT					
16	27202537459	Võ Thùy	Trang	AUD 411 A	K27PSU-KKT					
17	27202537864	Nguyễn Thị Quỳnh	Trang	AUD 411 A	K27PSU-KKT					
18	27202553742	Phan Thị Kim	Trang	AUD 411 A	K27PSU-KKT					
19	27202554145	Ngô Thị Thùy	Trang	AUD 411 A	K27PSU-KKT					
20	27202538901	Lê Thanh	Trúc	AUD 411 A	K27PSU-KKT					
21	27212545531	Nguyễn Thành	Trung	AUD 411 A	K27PSU-KKT					
22	27202537964	Nguyễn Thị Ánh	Tuyết	AUD 411 A	K27PSU-KKT					
23	27213133999	Nguyễn Trần Tường	Vy	AUD 411 A	K27PSU-KKT					
24	27202543631	Nguyễn Thị Thanh	Xuân	AUD 411 A	K27KKT					
25										
26										
27										
28										
29										